

ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ THỦ CÔNG CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT TRÍ TUỆ VỊ THÀNH NIÊN TẠI TRUNG TÂM CHUYÊN BIỆT

Tạ Thị Thủy¹, Nguyễn Thị Thắm²

Email: tathithuytldghnue@gmail.com

¹- Học viên cao học K33 – Giáo dục đặc biệt

²- Giảng viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt: Bài viết trình bày định hướng nghề thủ công cho học sinh khuyết tật trí tuệ vị thành niên tại Trung tâm Ngọc Ân - Hà Nội, tập trung vào các nghề như làm oản nghệ thuật và sắp lễ thủ công. Kết quả khảo sát cho thấy học sinh có thể tiếp cận tốt với các kỹ năng nghề cơ bản và chuyên biệt, đặc biệt là các thao tác trực quan, mang tính lặp lại. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những khó khăn trong đánh giá, quản lý lớp học nghề và cá nhân hóa chương trình. Bài viết cũng tập trung phân tích những hình thức triển khai các hoạt động hướng nghiệp cho học sinh KTTT, cũng như hiệu quả của mô hình hướng nghiệp mà trung tâm đang triển khai. Trên cơ sở phân tích lý thuyết và dữ liệu thực tiễn, bài viết khẳng định tính khả thi của mô hình hướng nghiệp nghề thủ công trong môi trường giáo dục đặc biệt tại Việt Nam.

Từ khóa: hướng nghiệp, nghề thủ công, khuyết tật trí tuệ, vị thành niên

VOCATIONAL ORIENTATION IN HANDICRAFTS FOR ADOLESCENTS WITH INTELLECTUAL DISABILITIES AT A SPECIALIZED CENTER

Ta Thi Thuy¹, Nguyen Thi Tham²

Email: tathithuytldghnue@gmail.com

¹ Graduate Student, Master's Program Cohort 33 – Special Education

² Lecturer, Hanoi National University of Education

Abstract: This paper presents the vocational orientation in handicrafts for adolescents with intellectual disabilities at the Ngọc Ân Center in Hanoi. It focuses on training in practical crafts such as making ceremonial food offerings and arranging offerings—activities suited to learners with mild to moderate intellectual disabilities due to their visual, repetitive, and structured nature. Survey results show that most students can perform basic and specialized craft skills, especially those involving manual dexterity and step-by-step procedures. However, challenges remain in individualized teaching, assessment, and classroom management. Based on theoretical frameworks and practical findings, the study affirms the feasibility of handicraft-based vocational training models in Vietnam's special education settings and proposes directions to improve implementation effectiveness.

Keywords: vocational orientation, handicrafts, intellectual disability, adolescents

Nhận bài: 10/5/2025

Phản biện: 29/5/2025

Duyệt đăng: 31/5/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tại Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Tâm lý – Giáo dục Ngọc Ân, mô hình định hướng nghề thủ công đã được bước đầu triển khai đối với học sinh KTTT VTN thông qua các hoạt động làm oản nghệ thuật và sắp lễ thủ công – những nghề mang tính truyền thống, dễ chuẩn hóa, phù hợp với thao tác cá nhân và có khả năng phát triển thành mô hình sản xuất – học tập mang lại giá trị kinh tế. Đây là mô hình không chỉ tiếp cận học sinh theo hướng cá thể hóa mà còn tạo cơ hội thực hành trực tiếp, gắn liền với đặc điểm văn hóa địa phương.

Trong bối cảnh hệ thống giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật tại Việt Nam còn chưa phát triển đồng đều, việc nghiên cứu và phát triển mô hình giáo dục định hướng nghề thủ công cho học sinh KTTT VTN là một yêu cầu mang tính chiến lược, góp phần hoàn thiện hệ thống lý luận và thực tiễn giáo dục đặc biệt. Mô hình này không chỉ tạo ra cơ hội nghề nghiệp thiết thực cho học sinh mà

còn góp phần khẳng định năng lực học nghề, làm việc và hòa nhập xã hội của người khuyết tật trí tuệ – một nhóm đối tượng vốn còn chịu nhiều rào cản trong giáo dục và đời sống.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Một số vấn đề lý luận

2.1.1. Học sinh khuyết tật trí tuệ vị thành niên

Theo Hiệp hội Hoa Kỳ về Khuyết tật Trí tuệ và Phát triển (AAIDD), khuyết tật trí tuệ là tình trạng suy giảm đáng kể về chức năng trí tuệ và hành vi thích nghi, khởi phát trước 18 tuổi, ảnh hưởng đến các lĩnh vực như học tập, giao tiếp và tự phục vụ. Ở Việt Nam, Luật Người khuyết tật (2010) và Luật Trẻ em (2016) cũng xác định đây là nhóm trẻ có hạn chế nghiêm trọng về trí tuệ, cần được can thiệp, hỗ trợ trong học tập và cuộc sống. Học sinh khuyết tật trí tuệ vị thành niên là những trẻ từ 10 đến dưới 18 tuổi có biểu hiện suy giảm rõ rệt và kéo dài về chức năng trí tuệ và hành vi thích nghi,

ảnh hưởng đến khả năng thực hiện các nhiệm vụ học tập, sinh hoạt và hòa nhập xã hội.

2.1.2. Định hướng nghề nghiệp

Theo Nguyễn Đình Xuân (1998), định hướng nghề là “quá trình tác động sư phạm có hệ thống và kế hoạch nhằm giúp học sinh hình thành những hiểu biết về nghề nghiệp và lựa chọn được nghề phù hợp với bản thân và yêu cầu của xã hội”. Đối với học sinh khuyết tật trí tuệ vị thành niên, định hướng nghề cần được tổ chức sớm, có kế hoạch, kết hợp dạy lý thuyết với thực hành, chú trọng thao tác nghề cụ thể, sử dụng phương tiện trực quan và hỗ trợ cá nhân hóa (Vũ Đình Chuẩn, 2013).

2.1.3. Nghề thủ công

Theo nghiên cứu của Choudhary & Kumar (2022), Carter et al. (2010), nghề thủ công có quy trình rõ ràng, thao tác cụ thể, dễ lặp lại và có thể chia nhỏ theo mức độ phức tạp. Những đặc điểm này phù hợp với năng lực tư duy trực quan – cụ thể, trí nhớ ngắn hạn và khả năng vận động tinh còn hạn chế của học sinh KTTT mức độ nhẹ và trung bình.

Khái niệm định hướng nghề thủ công, theo luận điểm của Nguyễn Đình Xuân (1998), Vũ Đình Chuẩn (2013), được hiểu là một quá trình giáo dục giúp học sinh lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với đặc điểm nhận thức và điều kiện xã hội, thông qua việc tổ chức hoạt động học tập thực hành nhằm rèn luyện kỹ năng nghề và hình thành động cơ nghề nghiệp. Trong trường hợp học sinh KTTT, định hướng nghề thủ công không chỉ đơn thuần là trang bị kỹ năng lao động mà còn là phương thức giáo dục tổng hợp nhằm phát triển sự tự lập, điều chỉnh hành vi, tăng cường tương tác xã hội và từng bước hình thành năng lực làm việc có mục tiêu. Tại Trung tâm Ngọc Ân, các nghề như làm oản nghệ thuật, sắp lễ thủ công được chọn để hướng nghiệp cho học sinh khuyết tật trí tuệ mức độ nhẹ và trung bình vì có tính ổn định, dễ chia nhỏ thao tác, sử dụng hình ảnh minh họa rõ ràng, đồng thời có thể tạo sản phẩm hoàn chỉnh sau mỗi buổi học. Nghề thủ công không chỉ giúp học sinh hình thành kỹ năng nghề đơn giản mà còn là phương tiện hiệu quả để rèn luyện sự tập trung, tuân thủ quy trình, phối hợp nhóm và kiểm soát hành vi.

2.2. Khảo sát thực trạng mô hình định hướng nghề thủ công cho học sinh khuyết tật trí tuệ vị thành niên tại Trung tâm Ngọc Ân

2.2.1. Những vấn đề chung về khảo sát thực trạng

Khảo sát thực trạng được thực hiện từ tháng

11 năm 2023 đến tháng 1 năm 2024 tại 5 cơ sở của Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Tâm lý – Giáo dục Ngọc Ân (gồm 3 cơ sở tại Hà Nội, 1 tại Quảng Trị và 1 tại Đắk Lắk). Đối tượng khảo sát gồm: 30 giáo viên và cán bộ quản lý đang trực tiếp tham gia giảng dạy hoặc quản lý chương trình hướng nghiệp nghề thủ công tại Trung tâm; 30 phụ huynh có con là học sinh khuyết tật trí tuệ vị thành niên đang tham gia học nghề thủ công.

Phương pháp khảo sát bao gồm: phát phiếu hỏi, phỏng vấn sâu, quan sát thực tế và nghiên cứu trường hợp. Dữ liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS với các chỉ số thống kê mô tả, kết hợp phân tích định tính từ quan sát và phỏng vấn.

Nội dung khảo sát tập trung vào ba vấn đề then chốt:

- (1) Mức độ khó khăn của học sinh trong quá trình học nghề thủ công;
- (2) Hiệu quả bước đầu của mô hình định hướng nghề đang triển khai tại Trung tâm;
- (3) Các hình thức tổ chức hướng nghiệp hiện đang được áp dụng.

Mức độ đáp ứng được đánh giá theo 4 bậc: không thể đáp ứng; khó có thể đáp ứng; đáp ứng một phần; Đáp ứng tốt

2.2.2. Kết quả khảo sát thực trạng

Kết quả khảo sát được phân tích dựa trên ba trục nội dung chính: (1) mức độ khó khăn trong việc thực hiện kỹ năng nghề của học sinh khuyết tật trí tuệ vị thành niên; (2) hiệu quả bước đầu của mô hình định hướng nghề thủ công; và (3) các hình thức tổ chức hướng nghiệp hiện đang được áp dụng tại Trung tâm Ngọc Ân.

Mức độ khó khăn trong kỹ năng nghề của học sinh khuyết tật trí tuệ. Các kỹ năng được chia thành hai nhóm: kỹ năng nền tảng (5 kỹ năng: Khả năng tập trung và kiên nhẫn; Khả năng phối hợp tay – mắt; Nhận diện và phối hợp màu sắc, hình khối; Tuân thủ các bước làm việc; Kiểm soát cảm xúc trong quá trình làm việc) và kỹ năng nghề cụ thể (10 kỹ năng: Chọn đúng nguyên liệu trang trí theo mẫu có sẵn (hoa, giấy, oản, hạt cườm; Chuẩn bị dụng cụ làm nghề (kéo, dập ghim, dao, súng bắn keo, băng dính; Làm theo hướng dẫn từng bước để bọc giấy trang trí oản; Cố định giấy bọc bằng băng dính theo mẫu; Trang trí hoa, ruy băng, hạt ngọc,... vào oản theo vị trí quy định trong mẫu; Chọn và sắp xếp các thành phần trên mâm lễ theo bố cục của mẫu; Trang trí mâm lễ bằng các phụ kiện theo mẫu; So sánh và điều chỉnh sản phẩm với mẫu để hoàn thiện sản phẩm; Đóng gói và bảo quản sản phẩm đúng cách; Sáng tạo với

mẫu có sẵn bằng cách thay đổi chi tiết nhỏ (màu sắc, họa tiết, cách sắp xếp phụ kiện,...). Việc phân nhóm này cho phép xác định rõ ràng mối liên hệ giữa năng lực nhận thức – hành vi cơ bản với khả năng thực hiện các thao tác nghề chuyên biệt.

Trong nhóm kỹ năng nền tảng, phần lớn học sinh KTTT vị thành niên thể hiện khả năng tương đối tích cực ở các kỹ năng mang tính tuân thủ quy trình và vận động cơ bản. Cụ thể, kỹ năng tuân thủ các bước làm việc đạt trung bình 2,63 (thứ hạng 2), cho thấy học sinh có khả năng thực hiện thao tác theo trình tự nếu được hướng dẫn rõ ràng, minh họa trực quan. Kỹ năng phối hợp tay – mắt (TB = 2,52; hạng 4) và tập trung – kiên nhẫn (TB = 2,31; hạng 10) cũng đạt mức khá, khẳng định rằng các em có thể tham gia các hoạt động đòi hỏi sự phối hợp vận động tinh và chú ý nếu môi trường học tập được thiết kế phù hợp.

Tuy nhiên, có một số kỹ năng nền tảng mà học sinh vẫn gặp nhiều trở ngại, điển hình như kiểm soát cảm xúc trong quá trình làm việc (TB = 2,13; hạng 14) và nhận diện, phối hợp màu sắc – hình khối (TB = 2,30; hạng 11). Điều này phản ánh rõ đặc trưng của trẻ khuyết tật trí tuệ – vốn dễ bị chi phối bởi cảm xúc, thiếu linh hoạt trong tư duy thẩm mỹ và còn hạn chế trong xử lý thông tin trừu tượng. Đây là những yếu tố quan trọng cần được tích hợp vào chương trình can thiệp hành vi và dạy học điều tiết cảm xúc khi triển khai các hoạt động hướng nghiệp.

Ở nhóm kỹ năng nghề cụ thể, kết quả cho thấy học sinh tiếp cận tương đối tốt với các kỹ năng thao tác có tính chuẩn hóa và lặp lại cao. Chuẩn bị dụng cụ làm nghề (TB = 2,73; hạng 1) và cố định giấy bọc theo mẫu (TB = 2,57; hạng 3) là hai kỹ năng có mức độ hoàn thành cao nhất, điều này cho thấy trẻ có thể vận hành tốt các công cụ đơn giản nếu được hướng dẫn an toàn, cụ thể. Tương tự, kỹ năng chọn nguyên liệu trang trí theo mẫu (TB = 2,50) và làm theo hướng dẫn để bọc giấy (TB = 2,50) đạt mức trung bình khá, phù hợp với đặc điểm tư duy cụ thể – trực quan của học sinh khuyết tật trí tuệ mức độ nhẹ và trung bình.

Ngược lại, những kỹ năng đòi hỏi mức độ linh hoạt tư duy, điều chỉnh cá nhân hóa sản phẩm lại là thách thức lớn. Kỹ năng sáng tạo với mẫu có sẵn đạt trung bình chỉ 1,70 – thấp nhất trong toàn bộ bảng khảo sát – với 37% học sinh được đánh giá là “khó có thể đáp ứng” hoặc “không thể đáp ứng”. Tương tự, các kỹ năng như so sánh, điều chỉnh sản phẩm (TB = 2,20) và trình bày mâm lễ

theo bố cục mẫu (TB = 2,23) cũng ghi nhận mức độ khó khăn tương đối cao. Những kết quả này cho thấy trẻ khuyết tật trí tuệ còn gặp nhiều trở ngại trong việc thực hiện các thao tác mang tính tổng hợp, sáng tạo và điều chỉnh thẩm mỹ – vốn đòi hỏi sự linh hoạt của trí nhớ làm việc, năng lực phản hồi và khả năng tư duy không gian.

Hiệu quả mô hình định hướng nghề thủ công cho học sinh khuyết tật trí tuệ vị thành niên. Kết quả khảo sát phản ánh tác động nhiều chiều của mô hình định hướng nghề thủ công đối với sự phát triển thể chất, hành vi, xã hội – cảm xúc và giá trị cá nhân của học sinh khuyết tật trí tuệ vị thành niên tại Trung tâm Ngọc Ân.

Các nhu cầu phát triển: Duy trì hoạt động thể chất qua công việc thủ công (cầm nắm, cắt dán, sắp xếp,...); Điều chỉnh vận động tinh (khả năng phối hợp tay mắt, kiểm soát lực tay,...); Hình thành thói quen có tổ chức, tuân thủ nguyên tắc; Nhận biết và sử dụng an toàn các dụng cụ làm nghề (kéo, dao, súng bắn keo,...); Hình thành kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác với bạn bè và giáo viên; Phát triển khả năng giao tiếp qua các hoạt động nghề (hỏi đáp, nhờ giúp đỡ, giải thích,...); Xây dựng tinh thần trách nhiệm khi làm việc chung; Cảm thấy có giá trị khi được khen ngợi và công nhận vì tạo ra sản phẩm hữu ích; Hình thành sự kiên trì, cố gắng hoàn thành công việc; Phát triển khả năng sáng tạo trong trang trí; Học cách trình bày, giới thiệu sản phẩm của mình

Trước hết, *về phát triển vận động và thể chất*, các hoạt động thủ công như cắt dán, xếp đặt, bọc giấy, trang trí... đòi hỏi sự phối hợp linh hoạt giữa tay – mắt, lực tay và sự kiểm soát tinh vi của hệ vận động. Điều này được phản ánh rõ trong hai chỉ số cao nhất: *duy trì hoạt động thể chất thông qua công việc thủ công và điều chỉnh vận động tinh* (đều đạt trung bình 2,80, xếp hạng 1 và 2). Đây là kết quả đáng ghi nhận, bởi trẻ khuyết tật trí tuệ thường gặp khó khăn trong việc duy trì thể lực và kiểm soát vận động chính xác. Qua đó, có thể khẳng định rằng nghề thủ công không chỉ là phương tiện giáo dục nghề nghiệp mà còn là một hình thức trị liệu vận động có giá trị trong môi trường giáo dục đặc biệt.

Về phát triển hành vi – học tập, mô hình giúp học sinh hình thành được các thói quen học tập tích cực như *tuân thủ nguyên tắc, sử dụng an toàn dụng cụ, kiên trì với nhiệm vụ, hợp tác nhóm*. Những kỹ năng này đều có điểm trung bình từ 2,43 đến 2,73, cho thấy học sinh không chỉ tiếp

thu thao tác nghề mà còn từng bước điều chỉnh được hành vi trong môi trường bán cấu trúc. Đáng chú ý là *kỹ năng kiên trì trong công việc* (TB = 2,70; hạng 5) – vốn là một trong những năng lực quan trọng trong quá trình chuẩn bị cho chuyển tiếp nghề và hình thành đạo đức lao động – đã có sự cải thiện rõ rệt. Đây là minh chứng rằng mô hình đã tác động trực tiếp đến năng lực điều hành hành vi của học sinh – một trong những hạn chế phổ biến ở trẻ KTTT vị thành niên mức độ nhẹ và trung bình.

Về *phát triển xã hội – cảm xúc*, kết quả khảo sát cho thấy học sinh có tiến bộ đáng kể trong khả năng *làm việc nhóm* (TB = 2,57; hạng 7), *giao tiếp nghề* (TB = 2,50; hạng 8) và *xây dựng tinh thần trách nhiệm* (TB = 2,43; hạng 9). Mặc dù mức độ phát triển chưa cao, song điều này cho thấy học sinh đã bước đầu hình thành được các năng lực tương tác xã hội trong môi trường học nghề, qua đó nâng cao khả năng hợp tác và chấp nhận quy tắc nhóm – một bước quan trọng trong việc chuẩn bị cho quá trình hòa nhập lao động tương lai. Đặc biệt, kỹ năng *cảm thấy có giá trị khi được khen ngợi và công nhận sản phẩm hữu ích* (TB = 2,63; hạng 6) phản ánh tác động tích cực của mô hình đến hình ảnh bản thân và lòng tự trọng của học sinh – yếu tố đóng vai trò trung tâm trong việc duy trì động lực học nghề và khả năng thích nghi xã hội.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả khả quan, vẫn tồn tại một số kỹ năng có mức cải thiện thấp, cho thấy những giới hạn nhất định của mô hình hiện tại. Cụ thể, kỹ năng *phát triển sáng tạo trong trang trí* (TB = 2,27; hạng 10) và *trình bày, giới thiệu sản phẩm* (TB = 2,07; hạng 11) là những kỹ năng mà học sinh còn nhiều hạn chế. Điều này có thể bắt nguồn từ hai nguyên nhân chính: (1) sự hạn chế vốn có về khả năng tư duy linh hoạt và diễn đạt ngôn ngữ của học sinh khuyết tật trí tuệ, và (2) thiếu các cơ hội thể hiện bản thân trong quá trình dạy học (ví dụ như hoạt động thuyết trình, phản hồi, trưng bày sản phẩm...). Vì vậy, để nâng cao hiệu quả toàn diện của mô hình, cần bổ sung thêm các hoạt động tăng cường kỹ năng biểu đạt, sáng tạo và giao tiếp chức năng – những kỹ năng có ý nghĩa nền tảng trong cuộc sống nghề nghiệp và xã hội.

Các hình thức tổ chức hướng nghiệp nghề thủ công. Trung tâm Ngọc Ân đã triển khai một hệ thống tổ chức dạy học nghề khá đa dạng, kết hợp linh hoạt giữa các hình thức chuyên biệt và

thực hành trực tiếp, đồng thời bước đầu hình thành mối liên kết giữa trung tâm, gia đình và xã hội – một tiền đề quan trọng cho giáo dục nghề bền vững và thực tế.

Đáng chú ý nhất là ba hình thức có điểm trung bình cao nhất: *thực hành trực tiếp* (TB = 2,83; hạng 1), *học nghề theo nhóm nhỏ có giáo viên hỗ trợ* (TB = 2,83; hạng 2), và *dạy học 1:1* (TB = 2,80; hạng 3). Đây đều là các hình thức đặc trưng của giáo dục đặc biệt, đảm bảo mức độ cá thể hóa cao và hỗ trợ kịp thời cho từng học sinh. Hình thức *thực hành trực tiếp* đặc biệt phù hợp với đặc điểm tư duy trực quan – thao tác của học sinh khuyết tật trí tuệ, giúp các em nắm bắt nội dung thông qua trải nghiệm và thao tác vật lý thay vì ghi nhớ lý thuyết. Việc tổ chức nhóm nhỏ có giáo viên hỗ trợ còn tạo điều kiện cho học sinh học hỏi lẫn nhau, phát triển kỹ năng hợp tác và làm việc nhóm, đồng thời giảm tải áp lực cho giáo viên trong việc điều phối lớp học đa trình độ.

Hình thức *dạy học cá nhân (1:1)* là giải pháp quan trọng giúp cá nhân hóa mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học, đặc biệt hiệu quả đối với những học sinh có mức độ khuyết tật nặng hơn hoặc có khó khăn đặc thù về hành vi. Việc ba hình thức trên đều đạt điểm trung bình cao cho thấy Trung tâm đã nắm bắt đúng định hướng tổ chức phù hợp với đối tượng người học, đặt nền móng cho việc xây dựng mô hình hướng nghiệp linh hoạt – thích ứng.

Bên cạnh đó, các hình thức mang tính liên kết mở rộng như *tham quan cơ sở sản xuất* (TB = 2,60; hạng 4), *kết hợp với gia đình để hướng nghiệp tại nhà* (TB = 2,43; hạng 6) và *triển lãm, trưng bày sản phẩm* (TB = 2,47; hạng 5) cho thấy Trung tâm đã bắt đầu chuyển dịch từ mô hình dạy học khép kín sang mô hình mở, tích hợp giáo dục nghề với cộng đồng thực tiễn. Học sinh được tiếp cận với môi trường nghề thực tế, từ đó hình thành sự hiểu biết nghề nghiệp đúng đắn, xây dựng động cơ nghề, và từng bước hình thành năng lực xã hội thích ứng. Tuy nhiên, điểm trung bình ở những hình thức này vẫn chưa cao so với nhóm hình thức chuyên biệt, điều này có thể bắt nguồn từ hạn chế về nguồn lực tổ chức, kinh phí, hoặc sự tham gia chưa đồng đều của phụ huynh và các đơn vị bên ngoài.

Một điểm cần lưu ý là hình thức *Thông qua các hoạt động ngoại khóa, triển lãm, trưng bày sản phẩm* – vốn có vai trò quan trọng trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp, trình bày và tự hào nghề

ng nghiệp – vẫn còn bị hạn chế về tần suất áp dụng. Đây là khoảng trống cần được bổ sung trong giai đoạn phát triển tiếp theo của mô hình. Việc thiết kế các sự kiện trình diễn sản phẩm, hội chợ nghề, hay hoạt động ngoại khóa có thể là công cụ hiệu quả để nâng cao động lực học tập, phát triển kỹ năng giao tiếp xã hội và truyền thông cộng đồng về năng lực của người khuyết tật trí tuệ.

III. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy mô hình định hướng nghề thủ công tại Trung tâm Ngọc Ân là một hướng đi khả thi và phù hợp trong giáo dục nghề nghiệp cho học sinh khuyết tật trí tuệ vị thành niên, đặc biệt là đối với nhóm có mức độ khuyết tật nhẹ và trung bình. Các nghề thủ công như làm oản nghệ thuật và sắp lễ không chỉ phù

hợp với đặc điểm tư duy cụ thể – trực quan và khả năng thao tác lặp lại của học sinh mà còn cho phép chuẩn hóa quy trình, cá nhân hóa nội dung dạy học và tạo điều kiện tiếp cận nghề nghiệp thực tế cho đối tượng học sinh vốn chịu nhiều rào cản về nhận thức và hành vi.

Từ những kết quả đạt được, có thể khẳng định rằng hướng nghiệp nghề thủ công là một mô hình tiềm năng không chỉ trong việc đào tạo nghề mà còn trong giáo dục toàn diện cho học sinh khuyết tật trí tuệ. Mô hình này phù hợp với định hướng giáo dục đặc biệt hiện đại – cá thể hóa, thực tiễn hóa và hội nhập – đồng thời góp phần thực hiện quyền được học nghề, quyền tham gia xã hội và quyền được sống có giá trị của người khuyết tật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- AAMR (2002). Mental Retardation: Definition, Classification, and Systems of Supports. American Association on Mental Retardation.
- Choudhary, R. & Kumar, A. (2022). Developing Vocational Skills for Children with Intellectual Disabilities. Journal of Inclusive Education.
- Đinh Nguyễn Trang Thu (2017). Giáo dục học sinh khuyết tật trí tuệ. NXB Đại học Sư phạm.
- Luật Người khuyết tật (2010). Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- Luật Trẻ em (2016). Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- Luật Việc làm (2013), Bộ luật Lao động (2012), Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật (CRPD, 2006).
- Nguyễn Đình Xuân (1998). Giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông. NXB Giáo dục.
- Nguyễn Khắc Viện (1991). Từ điển tâm lý học. NXB Khoa học Xã hội.
- Vũ Đình Chuẩn (Chủ biên) (2013). Giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông. NXB Giáo dục Việt Nam.